



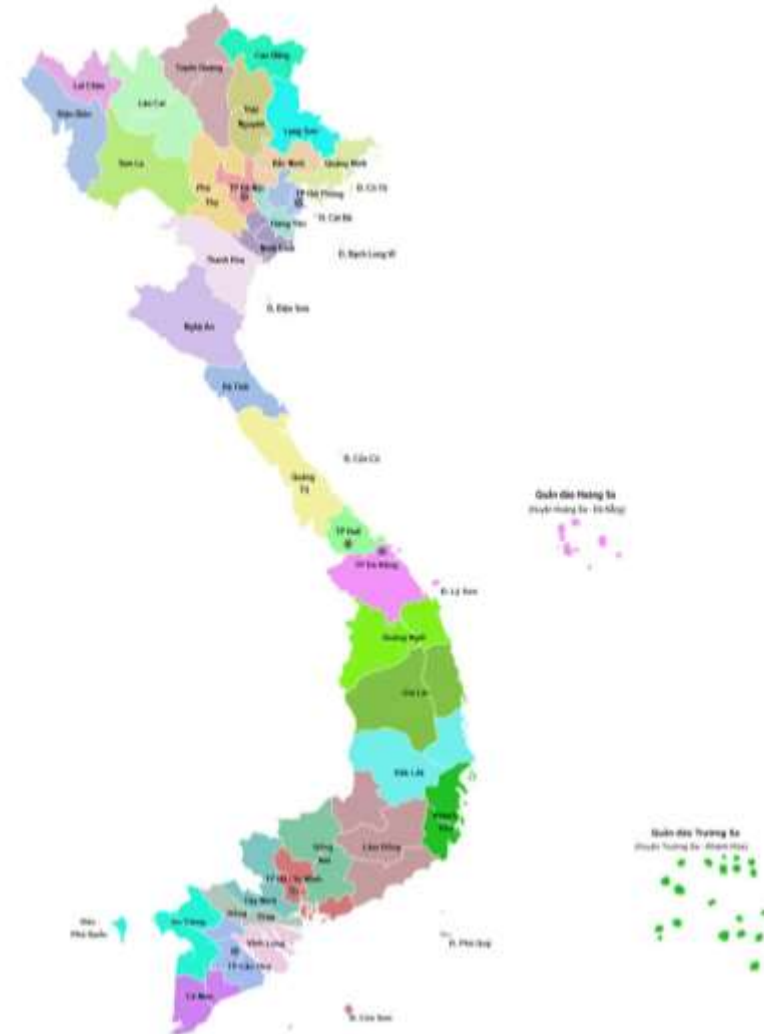
BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CHIẾN LƯỢC, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ XÂY DỰNG
(ACST)



XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU
QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH

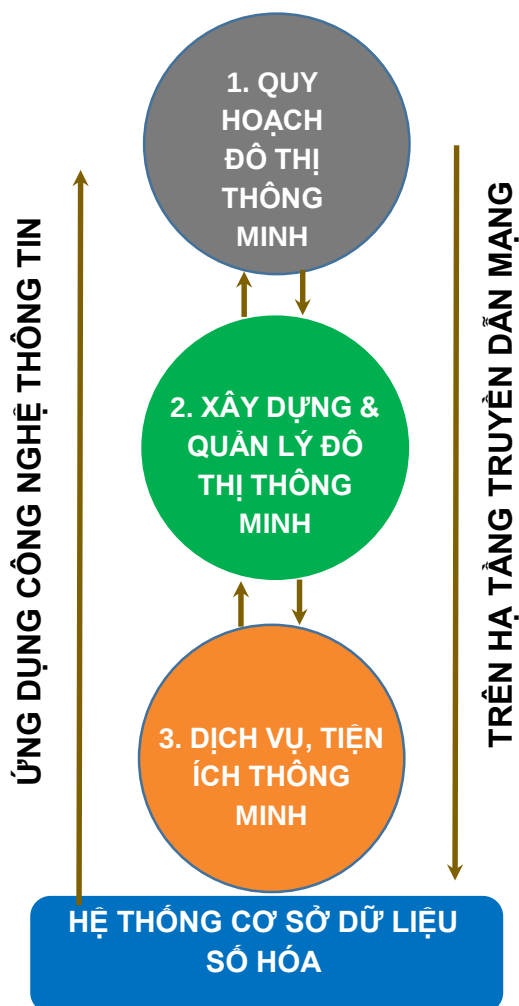
TS. KTS. Lưu Đức Minh

Phó giám đốc Học viện ACST





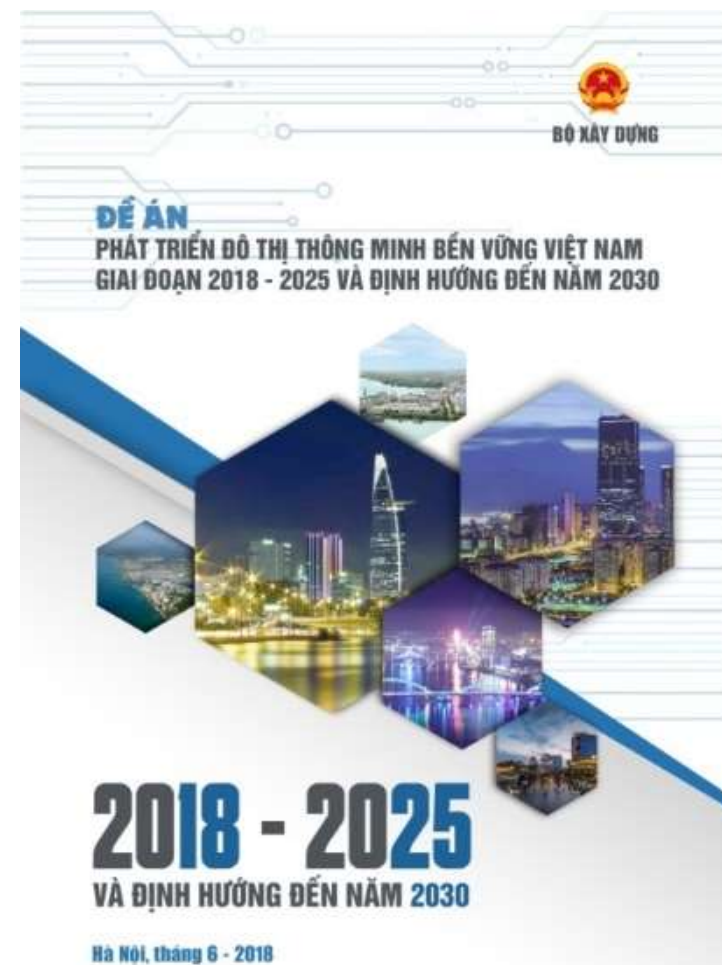
[ĐÔ THỊ THÔNG MINH]



QUYẾT ĐỊNH 950/QĐ-TTG

ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2018-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Hướng tới tăng trưởng xanh, phát triển bền vững trên cơ sở sử dụng hiệu quả tài nguyên đô thị và tài nguyên thiên nhiên, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về phát triển đô thị và dịch vụ đô thị, kiểm soát rủi ro bất ngờ, từ đó nâng cao mức sống, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và thúc đẩy hội nhập quốc tế.





**Quyết định
950/QĐ-TTg
ngày
01/8/2018
phê duyệt
Đề án phát
triển đô thị
thông minh
bền vững
Việt Nam
giai đoạn
2018-2025
định hướng
đến năm
2030**

- Thứ bảy, giai đoạn 2018 - 2025 ưu tiên xây dựng các nội dung cơ bản bao gồm: Quy hoạch đô thị thông minh; Xây dựng và quản lý đô thị thông minh; Cung cấp các tiện ích đô thị thông minh cho các tổ chức, cá nhân trong đô thị với Cơ sở nền tảng là Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và hệ thống hạ tầng ICT trong đó bao gồm cơ sở dữ liệu không gian đô thị thông minh được kết nối liên thông và hệ thống tích hợp hai hệ thống trên.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển đô thị thông minh bền vững ở Việt Nam hướng tới tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, khai thác, phát huy các tiềm năng và lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực; khai thác tối ưu hiệu quả tài nguyên, con người, nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời đảm bảo tạo điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia hiệu quả nghiên cứu, đầu tư xây dựng, quản lý phát triển đô thị thông minh; hạn chế các rủi ro và nguy cơ tiềm năng; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và các dịch vụ đô thị; nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn đến năm 2020: Xây dựng nền tảng cơ sở pháp lý phát triển đô thị thông minh, tiến hành công tác chuẩn bị đầu tư triển khai thí điểm ở cấp khu đô thị và đô thị.

+ Rà soát, xây dựng khung pháp lý chung về phát triển đô thị thông minh bền vững, ban hành các cơ chế chính sách áp dụng cho các khu vực triển khai thí điểm;

+ Xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia phục vụ phát triển đô thị thông minh bền vững tại Việt Nam;

+ Xây dựng và thí điểm triển khai áp dụng Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh, xây dựng hệ thống hạ tầng dữ liệu không gian đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng trên nền tảng GIS và các cơ sở dữ liệu khác; xây dựng mô hình phù hợp trong quản lý dân cư, giao thông, đất đai và đầu tư xây dựng tại các khu vực đô thị thực hiện thí điểm; xây dựng cơ sở dữ liệu đô thị quốc gia giai đoạn 1;

+ Hướng dẫn và triển khai áp dụng hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quy hoạch đô thị;

+ Hỗ trợ tối thiểu 03 đô thị phê duyệt Đề án tổng thể về phát triển đô thị thông minh và tổ chức thực hiện đầu tư hạ tầng và phát triển ứng dụng các tiện ích đô thị thông minh;

+ Hỗ trợ tối thiểu 03 khu đô thị mới được đầu tư xây dựng áp dụng thí điểm các giải pháp đô thị thông minh;

+ 50% các Sở Xây dựng, Sở Thông tin truyền thông, các sở ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các đô thị thí điểm được đào tạo, bồi dưỡng về phát triển đô thị thông minh;

+ Xây dựng, trình phê duyệt chương trình, dự án ưu tiên thí điểm phát triển đô thị thông minh vùng đồng bằng sông Cửu Long;

+ Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã được phê duyệt tại Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020¹ và Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030².

- Giai đoạn đến năm 2025: Thực hiện giai đoạn 1 thí điểm phát triển đô thị thông minh.

+ Xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý, các quy định quy phạm pháp luật trên cơ sở sơ kết, tổng kết việc thực hiện thí điểm; triển khai áp dụng Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam;

+ Công bố các tiêu chuẩn quốc gia ưu tiên phục vụ cho việc triển khai xây dựng thí điểm các đô thị thông minh, ưu tiên cho các lĩnh vực quản lý đô thị, chiếu sáng, giao thông, cấp thoát nước, thu gom và xử lý rác thải, lưới điện, hệ thống cảnh báo rủi ro thiên tai và hệ thống hạ tầng ICT;

+ Phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng và các dữ liệu khác trên nền GIS tại các đô thị thí điểm giai đoạn 1;

+ Thí điểm áp dụng hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quy hoạch đô thị và hệ thống tra cứu thông tin quy hoạch đô thị tại tối thiểu 3 đô thị từ loại II trở lên;

+ Hỗ trợ ít nhất 6 đô thị/6 vùng kinh tế phê duyệt Đề án tổng thể về phát triển đô thị thông minh và tổ chức triển khai thực hiện các tiện ích đô thị thông minh phục vụ cư dân đô thị; hình thành thí điểm Trung tâm kết nối công dân kết hợp bộ phận 1 cửa;

+ Thí điểm áp dụng cơ chế cấp chứng nhận khu đô thị mới thông minh;

+ 100% các Sở Xây dựng, Sở Thông tin truyền thông, các sở ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các đô thị thí điểm được đào tạo, bồi dưỡng về phát triển đô thị thông minh;

+ Thực hiện các mục tiêu được duyệt của chương trình, dự án ưu tiên thí điểm phát triển đô thị thông minh vùng đồng bằng sông Cửu Long;

¹ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

² Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ.



Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

Nhiệm vụ, giải pháp: 10 nhiệm vụ:

Nhóm 1: Rà soát, hoàn thiện hệ thống các **văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách**, định mức kinh tế kỹ thuật và ban hành các hướng dẫn về phát triển đô thị thông minh bền vững.

Nhóm 2: Từng bước hình thành và hoàn thiện hệ thống các **quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia** về lĩnh vực đô thị thông minh, thúc đẩy nghiên cứu khoa học cơ bản và nghiên cứu ứng dụng đô thị thông minh bền vững.

Nhóm 3: Hình thành, **kết nối liên thông, duy trì và vận hành hệ thống dữ liệu không gian đô thị** số hóa và cơ sở dữ liệu đô thị quốc gia.

Nhóm 4: Đẩy mạnh **áp dụng công nghệ thông minh trong quy hoạch và quản lý** phát triển đô thị.

Nhóm 5: Phát triển **hạ tầng** đô thị thông minh.

Nhóm 6: Phát triển các **tiện ích thông minh** cho dân cư đô thị.

Nhóm 7: Xây dựng **tiềm lực phát triển** đô thị thông minh bền vững.

Nhóm 8: Tăng cường huy động các **nguồn vốn** đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật trong và ngoài nước.

Nhóm 9: Tích cực thúc đẩy **hợp tác** quốc tế, trao đổi chuyển giao công nghệ về phát triển đô thị thông minh bền vững.

Nhóm 10: Tuyên truyền, **phổ biến nâng cao nhận thức** về đô thị thông minh.



Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

7 NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

01. Hoàn thiện chính sách



02. Thiết lập và duy trì Hệ thống CSDL

03. Phát triển Quy hoạch TM

04. Thu hút đầu tư Hạ tầng KTTM

05. Thí điểm Phát triển ĐTTM

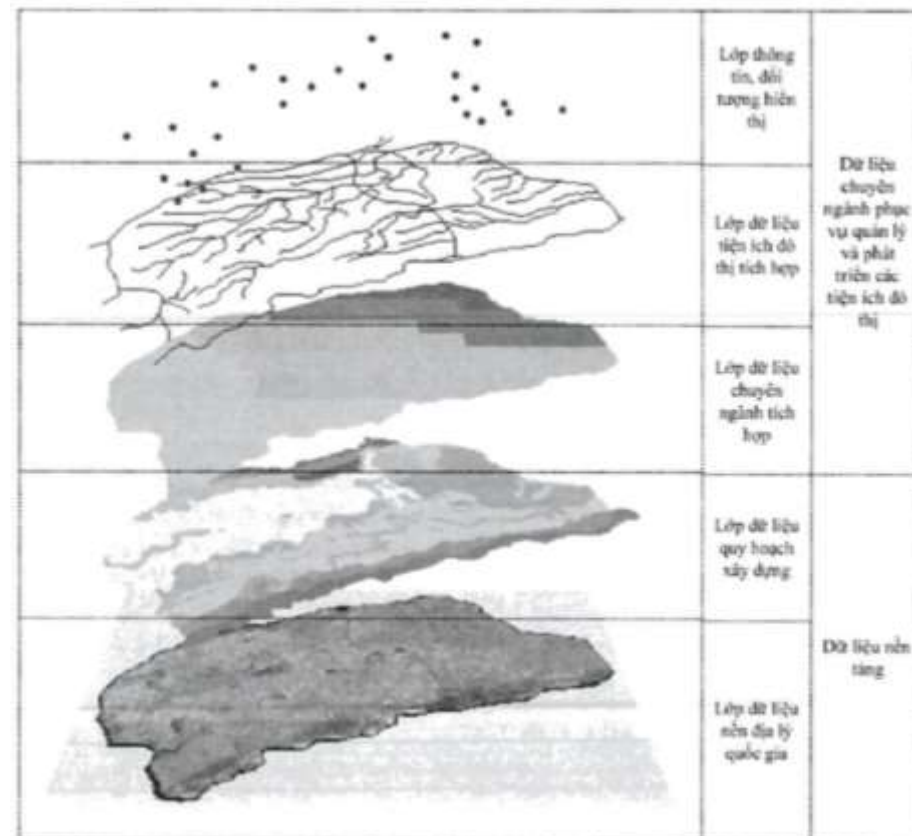
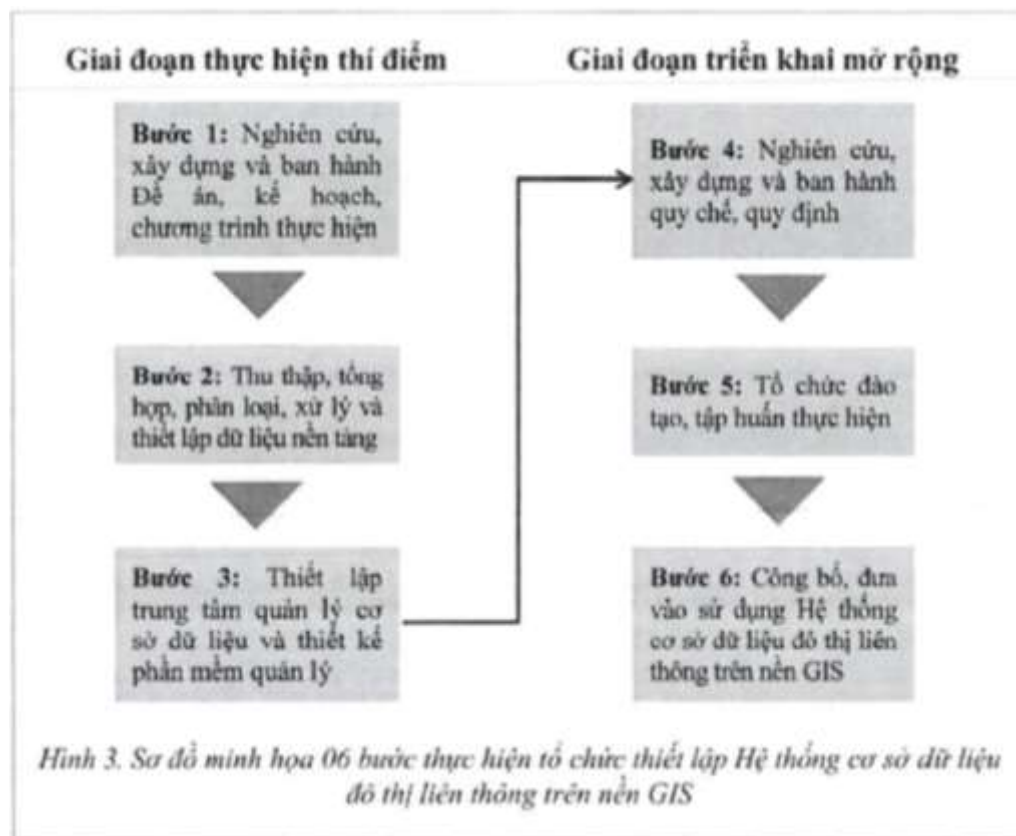
06. Đẩy mạnh Chính phủ ĐT

07. Nâng cao Năng lực cán bộ quản lý và chuyên môn



Văn bản số 1247/BXD-PTĐT ngày 14/4/2022 của Bộ Xây dựng v/v hướng dẫn tổ chức thiết lập Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh;

Quan điểm: ... Xây dựng hệ thống CSDL đô thị liên thông trên nền GIS tạo nền tảng để các bên liên quan tiếp tục phát triển, cung cấp các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh và đóng góp thêm các lớp dữ liệu thiết thực phục vụ quản lý đô thị ứng dụng trên nền GIS thống nhất



Hình 4: Mô phỏng các Lớp dữ liệu tích hợp trên nền tảng GIS



Văn bản số 1247/BXD-PTĐT ngày 14/4/2022 của Bộ Xây dựng v/v hướng dẫn tổ chức thiết lập Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh;

Bước 2: Thu thập, tổng hợp, phân loại, xử lý, tích hợp dữ liệu và chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ

b) Yêu cầu về xử lý và chuẩn hóa dữ liệu

- (1) Thông tư số [39/2017/TT-BTTTT](#) ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục Tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;
- (2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 42:2020/BTNMT về chuẩn thông tin địa lý cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số [06/2020/TT-BTNMT](#) ngày 31/8/2020;
- (3) **Thông tư số [15/2020/TT-BTNMT](#)** ngày 30/11/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc, nội dung **cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia** tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000;
- (4) **Thông tư số [12/2016/TT-BXD](#) ngày 29/6/2016** của Bộ Xây dựng Quy định về nội dung hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Thiết lập hệ thống quản lý, lưu dữ liệu gốc trên cơ sở các dữ liệu sau khi xử lý và đảm bảo an ninh, an toàn.

c) Thiết lập dữ liệu nền tảng

Dữ liệu nền tảng gồm có Lớp dữ liệu quy hoạch xây dựng tích hợp trên Lớp dữ liệu nền địa lý quốc gia, cơ sở đề xây dựng dữ liệu nền tảng gồm:

- **Lớp dữ liệu nền địa lý được khai thác tại Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam** và được cập nhật tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000 theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018.
- **Lớp dữ liệu quy hoạch xây dựng là lớp dữ liệu chuyên ngành được thiết lập trên cơ sở tích hợp các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết** được duyệt và phải được xử lý, chuẩn hóa về hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000, hệ độ cao quốc gia Việt Nam.
- Trường hợp còn mâu thuẫn giữa các thông tin, dữ liệu, bản đồ trong quá trình xử lý, tích hợp, cần khoanh vùng đối tượng, kiểm tra, rà soát đối chiếu trên thực địa để hiệu chỉnh từng bước số hóa để cập nhật lên Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS.
- Các dữ liệu nền tảng phải được thường xuyên cập nhật thông tin trong quá trình khai thác vận hành.



Văn bản số 1247/BXD-PTĐT ngày 14/4/2022 của Bộ Xây dựng v/v hướng dẫn tổ chức thiết lập Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh;

d) Tích hợp các thông tin dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý đô thị, phát triển các tiện ích đô thị

- Tùy thuộc vào nhu cầu, điều kiện thực tiễn, các địa phương có thể phát triển, **tích hợp các lớp dữ liệu chuyên ngành khác (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường, nhà ở, thị trường bất động sản và các nhu cầu quản lý các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội khác trong đô thị...)** để phục vụ công tác quản lý đô thị và nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ, tiện ích cho đô thị.
- Các dữ liệu được tích hợp lên Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS phải đảm bảo thống nhất, đồng bộ, liên thông với các dữ liệu khác trong hệ thống quản lý dữ liệu và có tính mở.
- Ứng dụng quản lý dữ liệu phải đảm bảo thuận tiện cho người sử dụng khi truy cập và kết xuất. Dữ liệu kết xuất phải đảm bảo tính chia sẻ và có khả năng tương thích với các ứng dụng phần mềm thông dụng.
- **Việc tích hợp liên thông, cơ sở dữ liệu trên Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS thực hiện theo nguyên tắc phối hợp, chia sẻ thông tin và thống nhất giữa các bên tham gia xây dựng, quản lý và vận hành.**
- Cơ quan quản lý dữ liệu chịu trách nhiệm về nội dung, cập nhật dữ liệu và quản trị dữ liệu do đơn vị quản lý trong quá trình khai thác, vận hành. Cơ quan quản lý vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS chịu trách nhiệm lưu trữ, bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu.

e) Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ

- Xây dựng danh mục dữ liệu theo yêu cầu, nhu cầu quản lý, khai thác, sử dụng.
- Khảo sát, đánh giá quy trình tác nghiệp của các cơ quan có thẩm quyền sở hữu dữ liệu; chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị công tác; phân công nhiệm vụ của các vị trí công tác trong tổ chức bộ máy.
- Sơ đồ hóa mô tả mối liên hệ giữa các đơn vị trực thuộc và các cơ quan liên quan thực hiện cung cấp, báo cáo số liệu.
- Thiết kế sơ đồ quy trình nghiệp vụ cho từng đối tượng dữ liệu.



Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu

- Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động
- Phát triển Kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế (kinh tế số chiếm 20-30% GDP)
- Phát triển Xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

- Chuyển đổi nhận thức
- Kiến tạo thể chế
- Phát triển hạ tầng số
- Phát triển nền tảng số
- Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng
- Hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

08 lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số: Y tế, giáo dục, tài chính-ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên & môi trường, sản xuất công nghiệp



Quyết định số 1004/QĐ-BXD ngày 31/7/2020 phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;



Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030" kèm theo Nội dung Kế hoạch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

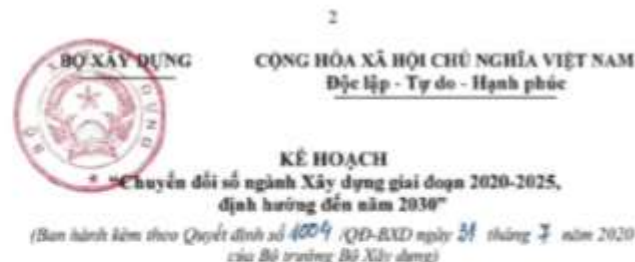
Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- UBND các Tỉnh, thành phố;
- Lưu VT, Vụ KHCNMT.



Phạm Hồng Hà



I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Chuyển đổi số ngành Xây dựng là nội dung rất quan trọng cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả để góp phần tăng năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa và doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng dịch vụ công của Bộ Xây dựng;

2. Trong quá trình xây dựng các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành xây dựng, phải nghiên cứu, xem xét lồng ghép tối đa các nội dung về chuyển đổi số;

3. Chuyển đổi số phải được thực hiện một cách tổng thể, có lộ trình phù hợp, tiến tới toàn diện và đồng bộ trong mọi lĩnh vực của ngành Xây dựng; xác định phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước là trung tâm của chuyển đổi số;

4. Xác định nguồn nhân lực là yếu tố quyết định thành công của chuyển đổi số; thực hiện các giải pháp toàn diện để phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số.

II. ĐỐI TƯỢNG, LĨNH VỰC ƯU TIÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Cơ sở dữ liệu số (CSDL) trong đó bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, đơn giá để phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

2. Thực hiện Chính phủ điện tử từ Bộ Xây dựng;

3. Hoạt động xây dựng (tư vấn thiết kế; tư vấn thẩm tra, thẩm định; thi công xây lắp; nghiệm thu công trình);

4. Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng;

5. Quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

6. Nhà ở, công sở và thị trường bất động sản.



Quyết định số 1004/QĐ-BXD ngày 31/7/2020 phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

3

III. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

1. Hoàn thiện thể chế để phục chuyển đổi số của ngành Xây dựng;

2. Vận hành và cập nhật Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng;

3. Hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu số: văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn; định mức và giá xây dựng; nhà ở, thị trường bất động sản; khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng; quy hoạch xây dựng; năng cấp đô thị; thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng; nghiệm thu các công trình đưa vào sử dụng; thanh tra, kiểm tra; hồ sơ cán bộ, viên chức ngành Xây dựng; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của tổ chức và cá nhân; phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng; đề tài, dự án sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học công nghệ và môi trường;

4. Phối hợp với cơ quan quản lý xây dựng địa phương để xây dựng CSDL phục vụ chuyển đổi số cho một số lĩnh vực ưu tiên;

5. Lựa chọn một số đối tượng cụ thể trong phạm vi quản lý nhà nước của ngành Xây dựng để ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ cho việc chuyển đổi số;

- Ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý GIS trong công tác lập quy hoạch và quản lý hoạch xây dựng;
- Ứng dụng Mô hình thông tin công trình BIM trong các hoạt động đầu tư xây dựng công trình;
- Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý vận hành đô thị thông minh, doanh nghiệp số.

6. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng làm chủ công nghệ số.

IV. CÁC NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU CỤ THỂ

(Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức bằng các hình thức phù hợp và thường xuyên để phổ biến, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, công chức, viên chức, lãnh đạo doanh nghiệp và người lao động về: Chính phủ điện tử; tăng cường chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; mô hình kinh tế số; mô hình doanh nghiệp số.

4

2. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hoặc thuê hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng; phục vụ lưu trữ CSDL của Bộ Xây dựng.

3. Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các đơn vị trực thuộc Bộ, các cơ quan quản lý chuyên ngành xây dựng địa phương bằng các phương thức phù hợp. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn quá trình thực hiện Kế hoạch theo định kỳ hằng năm thông qua việc tổ chức các cuộc giao ban trực tiếp; trực tuyến thực hiện các nội dung trong Kế hoạch.

4. Bảo đảm kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức bộ máy

Thành lập tổ giúp việc cho Bộ trưởng để thực hiện Kế hoạch. Trong sắp xếp tổ chức, biên chế và đề án vị trí việc làm cần gắn với chuyển đổi số ngành Xây dựng. Từng đơn vị phải bố trí, phân công người phụ trách công việc chuyển đổi số.

2. Thủ trưởng các đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao lập kế hoạch, dự toán kinh phí, cử người phụ trách chuyển đổi số gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Vụ Kế hoạch Tài chính trước ngày 30 tháng 8 để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

3. Các cơ quan chuyên môn quản lý xây dựng ở địa phương căn cứ nội dung, nhiệm vụ, chủ động xây dựng Kế hoạch báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố.

4. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, các đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ mới về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ.



CSDL chuyên ngành khác

CSDL ngành NN&MT

Quản lý NN&MT

Quy hoạch sử dụng đất

Địa chính

Nền địa lý
(cơ sở đo đạc, địa hình, thủy văn, dân cư, giao thông, hành chính, phủ bề mặt,...)

Hành chính

Địa hình

Dữ liệu dùng chung ngành

Dữ liệu dùng chung ngành TN&MT

CSDL đô thị liên thông trên nền GIS

Dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý và phát triển các tiện ích đô thị

Thông tin, đối tượng hiển thị

Dữ liệu Tiện ích đô thị tích hợp

Dữ liệu Chuyên ngành tích hợp

Dữ liệu Quy hoạch xây dựng

Dữ liệu nền địa lý quốc gia

Dữ liệu nền tảng

Dữ liệu dùng chung ngành Xây dựng

CSDL ngành Xây dựng

Hoạt động XD, lĩnh vực khác ...

Quản lý kiến trúc

Phát triển đô thị
(Hệ thống ĐT, Khu vực PTĐT, Dự án PTĐT,...)

Nhà ở, công sở và thị trường BĐS

Hệ thống HTKT
(Giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước, cây xanh, VSMT,...)

QH sử dụng đất, không gian

QH Hạ tầng kỹ thuật

**CHUYỂN ĐỔI SỐ
NGÀNH XÂY DỰNG**



Thông tư 17/2025/TT-BXD

Tại khoản 4, điều 6 về việc Xác định chi phí lập, thẩm định đồ án quy hoạch có nêu

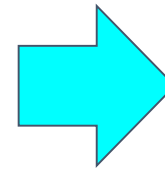
4. Đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn có yêu cầu lập hồ sơ quy hoạch theo cơ sở dữ liệu địa lý (GIS) thì chi phí lập quy hoạch được điều chỉnh với hệ số $K=1,1$.



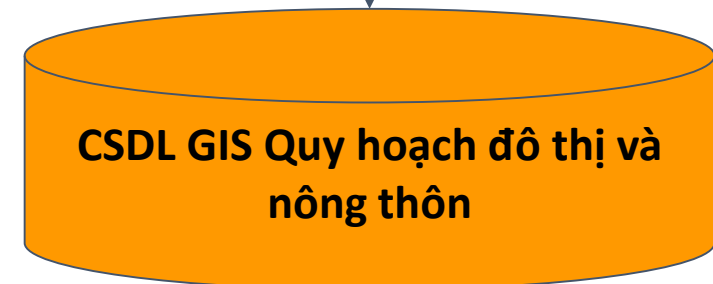
Thuyết minh



Bản vẽ



Xây dựng, chuẩn hóa và chuyển đổi, phân tích dữ liệu





Thông tư 16/2025/TT-BXD

Điều 2. Quy định chung về thành phần hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt là hồ sơ bằng bản giấy được cơ quan có thẩm quyền đóng dấu xác nhận.
2. Hồ sơ điện tử quy hoạch đô thị và nông thôn là tập hợp các tài liệu điện tử có liên quan với nhau, bao gồm:
 - a) Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ bản giấy có đầy đủ nội dung quy định tại Chương II, Chương III của Thông tư này, không bao gồm các văn bản, tài liệu liên quan;
 - b) Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử, đầy đủ thành phần theo quy định tại Chương II, Chương III của Thông tư này;
 - c) Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc;
 - d) Hồ sơ điện tử quy hoạch đô thị và nông thôn phải được xây dựng đồng thời trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn; bảo đảm đáp ứng yêu cầu đối với việc quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn;
 - đ) Các nguyên tắc, yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ điện tử quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện theo quy định tại Chương V Thông tư này.



Thông tư 16/2025/TT-BXD

3. Hồ sơ lấy ý kiến

- a) Hồ sơ lấy ý kiến cộng đồng gồm báo cáo tóm tắt; các bản vẽ theo quy định, đáp ứng yêu cầu về việc lấy ý kiến được xác định trong nhiệm vụ quy hoạch;
- b) Hồ sơ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức gồm hồ sơ bản giấy (thuyết minh, bản vẽ tỷ lệ thích hợp, các văn bản pháp lý liên quan) và hồ sơ điện tử quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

4. Hồ sơ trình thẩm định

- a) Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn;
- b) Hồ sơ bản giấy thể hiện nội dung và thành phần hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn bảo đảm theo quy định tại Chương II, Chương III của Thông tư này;
- c) Hồ sơ điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Hồ sơ trình phê duyệt

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn;
- b) Hồ sơ bản giấy thể hiện nội dung và thành phần hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch quy hoạch đô thị và nông thôn bảo đảm theo quy định tại Chương II, Chương III của Thông tư này;
- c) Báo cáo thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn.
- d) Hồ sơ điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này.



PHỤ LỤC II

Quy định chi tiết về cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn

Phần 1. Quy định về sản phẩm Cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Hồ sơ giấy pháp lý gồm thuyết minh, bản vẽ, các tài liệu văn bản in được xác nhận tính pháp lý nộp lưu trữ.
2. Hồ sơ điện tử gồm:
 - a) Cơ sở dữ liệu số cơ bản **(HoSoBASIC)**: Các tệp tin bản vẽ và văn bản gốc được in ấn để ký và đóng dấu xác nhận tính pháp lý.
 - b) Cơ sở dữ liệu số pháp lý **(HoSoScan)**: Các tệp tin số hóa (quét) của toàn bộ hồ sơ giấy pháp lý.
 - c) Cơ sở dữ liệu số địa lý **(HoSoGIS)**: Các tệp tin bản vẽ của cơ sở dữ liệu gốc được chuyển đổi sang dữ liệu địa lý.



3. Lưu trữ hồ sơ điện tử theo cấu trúc sau:

CSDL_<Tên đồ án quy hoạch> .

Trong đó có 3 thư mục dữ liệu

HoSoBASIC	HoSoScan	HoSoGIS
BanVe	BanVe	HienTrang.*
VanBan	VanBan	QuyHoach.*
	<MaHoSo>.xlsx	NenDiaHinh.*
		MocGioi.*
		<Tên ĐAQH>.**

(*) Tập tin đóng gói dữ liệu GIS (định dạng *.gdb, *.gpkg hoặc định dạng địa lý khác phù hợp)

(**) Tập tin tổng hợp cơ sở dữ liệu GIS của đồ án quy hoạch (định dạng *.aprx, *.ppkx, *.mxd, *.mpk, *.qgz hoặc định dạng địa lý khác phù hợp)

CSDL_DCQHCPuongThucPhan_CaoBang >

HoSoBASIC

Name

- BanVe
- VanBan

HoSoScan

Name

- 04QHC1010001_Banve
- 04QHC1010001_Vanban
- 04QHC1010001.xlsx

HoSoGIS

Name

- 04QHC1010001_HienTrang.gdb
- 04QHC1010001_MocGioi.gdb
- 04QHC1010001_NenDiaHinh.gdb
- 04QHC1010001_QuyHoach.gdb
- 04QHC1010001_DCQHCPuongThucPhan.mxd

Ví dụ: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng

maHoSoQH: **04QHC1010001**

Trong đó:

- + 04: Mã ĐVHC cấp tỉnh của tỉnh Cao Bằng
- + QHC: Mã loại Quy hoạch chung
- + 1: Quy hoạch lập lần đầu
- + 01: Điều chỉnh cục bộ lần 1 của quy hoạch lần đầu
- + 0001: Số thứ tự 01 của đồ án trên địa bàn tỉnh Cao Bằng



5. Cơ sở dữ liệu số pháp lý (HoSoScan)

a) Định dạng cơ sở dữ liệu số pháp lý

- Tập văn bản, thuyết minh, báo cáo được số hóa từ tài liệu định dạng giấy...
- Bản vẽ quy hoạch giấy được số hóa định dạng JPG...

b) Cấu trúc thư mục và cách đặt tên

- Thư mục BanVe: Gồm các thư mục con tên của các bản vẽ được số hóa, trong mỗi thư mục là các tệp tin (tờ) bản đồ được số hóa, lưu tên file trùng tên thư mục và bổ sung số thứ tự của mảnh bản đồ (trong trường hợp có 01 tờ thì không phải đánh số);

- Thư mục VanBan: Gồm các tệp tin pdf của từng văn bản được số hóa;

HoSoScan

^

Name

04QHC1010001_Banve

04QHC1010001_Vanban

04QHC1010001.xlsx

04QHC1010001_Banve

Name

04QHC1010001_01_SDVT

04QHC1010001_02_HTSDD-KTCQ&HTXH

04QHC1010001_03A-HTHTKT

04QHC1010001_03B-DGDXD

04QHC1010001_04_DHPTKG

04QHC1010001_05_QHSDD

04QHC1010001_05B-QHGT

04QHC1010001_06_DHCN

04QHC1010001_07_DHSN-TNM

04QHC1010001_09_DHCD

04QHC1010001_10_DHTTLL

04QHC1010001_11_DHTNB&VSMT

04QHC1010001_14_KhungThietKeDT

04QHC1010001_DMC01-HTMTruong

04QHC1010001_DMC02-DGMTruongCL

04QHC1010001_Vanban

Name

04QHC1010001_QDPDDoAnQH.pdf

04QHC1010001_ThuyetMinhTongHop.pdf

18



- Tập tin <MaHoSo>.xlsx: Nhập thông tin đặc tả về hồ sơ bao gồm 3 bảng (sheet):

+ HoSo (Hồ sơ gồm 19 cột thông tin): Mã hồ sơ; Mã thông tin quy hoạch;...

+ BanVe (Bản vẽ gồm 8 cột thông tin): Mã hồ sơ; Số hiệu bản vẽ;...

+ VanBan (Văn bản gồm 10 cột thông tin): Mã hồ sơ; Mã văn bản/Tên file;...

HoSoScan

Name

- 04QHC1010001_Banve
- 04QHC1010001_Vanban
- 04QHC1010001.xlsx

TT	Mã hồ sơ	Mã thông tin QH	Loại quy hoạch	Tỷ lệ	Số quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch	Ngày quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch	Số quyết định phê duyệt quy hoạch	Ngày ra quyết định phê duyệt quy hoạch	Đơn vị tư vấn lập quy hoạch	Đơn vị ra quyết định phê duyệt quy hoạch	Tỉnh thành	Hệ tọa độ	Điểm điểm	Chức năng	Tên mục	Cs HoSoBASIC	Cs HoSoGIS	Tên khác	Ghi chú
1	04QHC1010001		DHC	1/10.000						Lý ban nhân dân...	Điều chỉnh lần 1	VN2000	Phường Thục Phần		D:\CSDL_DCQHCPhuongThucPhan_CaoBang\HoSoScan\04QHC1010001_BanVe\04QHC1010001_01_SDVT	1	1	Điều chỉnh QHC, Quy hoạch chung Phường Thục Phần	

TT	Mã hồ sơ	Tên rút gọn	Số tờ	Tỷ lệ	Tên thư mục	Ghi chú
1	04QHC1010001	SDVT	1	Fit A0	D:\CSDL_DCQHCPhuongThucPhan_CaoBang\HoSoScan\04QHC1010001_BanVe\04QHC1010001_01_SDVT	
2	04QHC1010002	HTSDD-KTCQ&HTXH	1	Fit A0	D:\CSDL_DCQHCPhuongThucPhan_CaoBang\HoSoScan\04QHC1010002_04QHC1010002_Banve\04QHC1010002_02 HTSDD-KTCQ&HTXH	
3	04QHC1010003	HTHTKT	1	Fit A0	D:\CSDL_DCQHCPhuongThucPhan_CaoBang\HoSoScan\04QHC1010002_04QHC1010002_Banve\04QHC1010002_03A HTHTKT	
4	04QHC1010004	DGDND	1	Fit A0	D:\CSDL_DCQHCPhuongThucPhan_CaoBang\HoSoScan\04QHC1010002_04QHC1010002_Banve\04QHC1010002_03B DGDND	
5	04QHC1010005	DHPTKG	1	Fit A0	D:\CSDL_DCQHCPhuongThucPhan_CaoBang\HoSoScan\04QHC1010002_04QHC1010002_Banve\04QHC1010002_04 DHPTKG	

TT	Mã hồ sơ	Mã văn bản/Tên file	Tên văn bản	Loại văn bản	Số hiệu văn bản	Trích yếu	Ngày ký	Đơn vị ban hành	Số trang	Ghi chú
1	04QHC1010001	D:\CSDL_DCQHCPhuongThucPhan_CaoBang\HoSoScan\04QHC1010001_Vanban\04QHC1010001_QDPD DoAnQH.pdf	Quyết định phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung phường Thục Phần, tỉnh Cao Bằng đến năm ...	Quyết định		Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch			27	
2	04QHC1010001	D:\CSDL_DCQHCPhuongThucPhan_CaoBang\HoSoScan\04QHC1010001_Vanban\04QHC1010001_Thuyet MinhTongHop.pdf	Thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch chung phường Thục Phần, tỉnh Cao Bằng đến năm ...	Thuyết minh tổng hợp		Thuyết minh tổng hợp			180	



6. Yêu cầu về cơ sở dữ liệu số địa lý (HoSoGIS)

a) Cấu trúc dữ liệu địa lý

- Cơ sở dữ liệu số địa lý được đóng gói ở định dạng phần mềm GIS phù hợp. Cơ sở dữ liệu địa lý gồm 04 cơ sở dữ liệu chính, trong đó có các Nhóm dữ liệu chuyên đề và các Lớp dữ liệu.

- 04 cơ sở dữ liệu chính gồm:

+ Cơ sở dữ liệu nền địa hình (NenDiaHinh.*): Đối với cơ sở dữ liệu nền địa hình là cơ sở dữ liệu nền địa lý do ngành Nông nghiệp và Môi trường cung cấp theo quy định của Luật Đo đạc và Bản đồ thì giữ nguyên và tích hợp vào cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp dữ liệu nền địa hình được căn cứ vào dữ liệu số khác (khảo sát, đo đạc bổ sung) thì phải được chuyển đổi thành cơ sở dữ liệu địa lý, bảo đảm yêu cầu về chất lượng và kỹ thuật theo quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ.

+ Cơ sở dữ liệu hiện trạng (HienTrang.*) bao gồm 14 nhóm dữ liệu chuyên đề và 70 lớp dữ liệu

+ Cơ sở dữ liệu quy hoạch (QuyHoach.*) bao gồm 14 nhóm dữ liệu chuyên đề và 81 lớp dữ liệu

+ Cơ sở dữ liệu mốc giới quy hoạch (MocGioi.*) bao gồm 01 nhóm dữ liệu chuyên đề và 03 lớp dữ liệu

HoSoGIS

Name

- 04QHC1010001_HienTrang.gdb
- 04QHC1010001_MocGioi.gdb
- 04QHC1010001_NenDiaHinh.gdb
- 04QHC1010001_QuyHoach.gdb
- 04QHC1010001_DCQHCPhuongThucPhan.mxd



b) Nguyên tắc đặt tên nhóm/lớp dữ liệu địa lý:

<Tên nhóm dữ liệu> : Viết chữ tiếng Việt không dấu, liền nhau, các từ phân biệt bằng chữ cái hoa đầu tiên của từ

<Tên lớp dữ liệu> : <Lớp dữ liệu>_<Kiểu dữ liệu>

<Kiểu dữ liệu> : A – Vùng; P – Điểm; L – Đường

HoSoGIS

Name

- 04QHC1010001_HienTrang.gdb
- 04QHC1010001_MocGioi.gdb
- 04QHC1010001_NenDiaHinh.gdb
- 04QHC1010001_QuyHoach.gdb
- 04QHC1010001_DCQHCPhuongThucPhan.mxd

Phần 3. Bảng quy định chi tiết các lớp dữ liệu địa lý

(Nội dung tham khảo cho các địa phương trong quá trình thực hiện)

(1) Cơ sở dữ liệu hiện trạng – HienTrang.*

(14 nhóm dữ liệu chuyên đề và 70 lớp dữ liệu)

Chuyên đề	Tên nhóm dữ liệu (Feature Dataset)	TT	Tên lớp dữ liệu (Feature Class)	Mô tả (Alias)	Kiểu dữ liệu
1. Vị trí ranh giới	ViTriRanhGioi	1	TenDonViHanhChinh_P	Tên đơn vị hành chính	Điểm
		2	RanhGioiHanhChinh_L	Ranh giới hành chính	Đường
		3	RanhGioiQuyHoach_A	Ranh giới quy hoạch	Vùng
2. Hiện trạng sử dụng đất	HienTrangSuDungDat	4	ChucNangCongTrinh_P	Chức năng công trình	Điểm
		5	ChucNangSuDungDat_A	Chức năng sử dụng đất	Vùng
		6	PhanVungSDDkhac_A	Phân vùng sử dụng đất khác	Vùng

(2) Cơ sở dữ liệu quy hoạch – QuyHoach.*

(14 nhóm dữ liệu chuyên đề và 81 lớp dữ liệu)

Chuyên đề	Tên nhóm dữ liệu (Feature Dataset)	TT	Tên lớp dữ liệu (Feature Class)	Lớp dữ liệu (Alias)	Kiểu DL
2. Quy hoạch sử dụng đất	QuyHoachSuDungDat	4	ChucNangCongTrinh_P	Chức năng công trình	Điểm
		5	ChucNangSuDungDat_A	Chức năng sử dụng đất	Vùng
		6	PhanOQuyHoach_A	Phân ô quy hoạch	Vùng
		7	PhanKhuQuyHoach_A	Phân khu quy hoạch	Vùng
		8	PhanVungSDDkhac_A	Phân vùng sử dụng đất khác	Vùng

Trong trường hợp phát sinh các lớp dữ liệu chưa được quy định thì tạo mới theo nguyên tắc đặt tên nhóm/lớp dữ liệu địa lý



(4) Trường thuộc tính của các lớp dữ liệu địa lý

- Các lớp dữ liệu địa lý phải có các trường thuộc tính tối thiểu như sau:

Trường thuộc tính	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Độ dài dữ liệu	Cách nhập
maThôngTinQH	Mã thông tin quy hoạch	TEXT	15	Theo nội dung hướng dẫn cụ thể thực hiện Nghị định số 111/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/9/2024 Quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng
maHoSoQH	Mã hồ sơ quy hoạch	TEXT	15	<Mã ĐVHC><Loại QH><x><xx><xxxx>
maDoiTuong	Mã đối tượng	TEXT	100	<maHoSoQH>-<Tên lớp>-<ObjectID>
tenDoiTuong	Tên đối tượng	TEXT	100	Tên đối tượng
phanLoai	Phân loại	TEXT	250	Các đối tượng được nhập thông tin theo bảng ký hiệu/chú giải của bản vẽ
ghiChu	Ghi chú	TEXT	250	Thông tin ghi chú về đối tượng

- Ngoài các trường thuộc tính tối thiểu, mỗi lớp dữ liệu địa lý cần phải có các trường thuộc tính bổ sung về thông số chi tiết của đối tượng

<Mã ĐVHC><Loại QH><x><xx><xxxx>

Trong đó:

<Mã ĐVHC>: 2 chữ số, theo quy định về mã số Đơn vị hành chính của 34 Tỉnh/Thành

<Loại QH>: 3 ký tự - QHC/QPK/QCT

<x>: 1 chữ số - mã điều chỉnh tổng thể (1: quy hoạch lần đầu hoặc lập mới; 2-9 là các lần điều chỉnh tổng thể tiếp theo)

<xx>: 2 chữ số - mã điều chỉnh cục bộ (00: quy hoạch lần đầu hoặc điều chỉnh tổng thể; 01: Điều chỉnh cục bộ lần 1...)

<xxxx>: 4 chữ số - Số thứ tự hồ sơ của từng đồ án trên địa bàn tỉnh do Sở Xây dựng xác định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

Ví dụ: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng

maHoSoQH: **04QHC1010001**

Trong đó:

+ 04: Mã ĐVHC cấp tỉnh của tỉnh Cao Bằng

+ QHC: Mã loại Quy hoạch chung

+ 1: Quy hoạch lập lần đầu

+ 01: Điều chỉnh cục bộ lần 1 của quy hoạch lần đầu

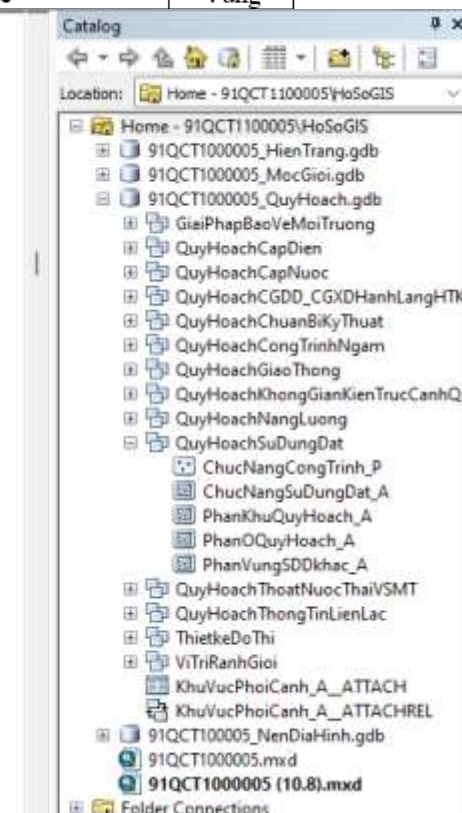
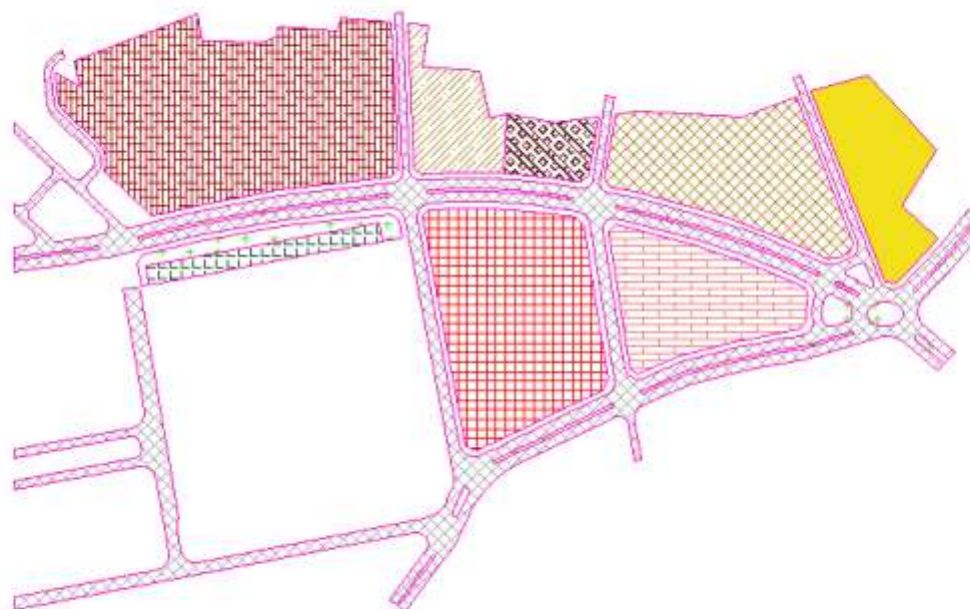
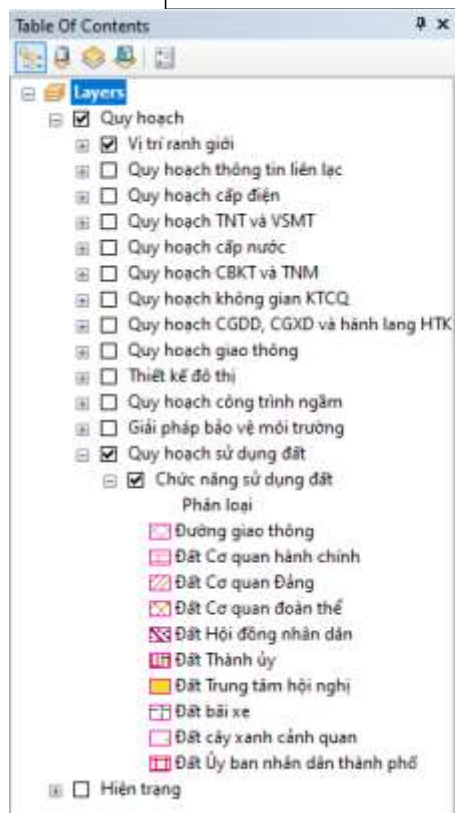
+ 0001: Số thứ tự 01 của đồ án trên địa bàn tỉnh Cao Bằng



(2) Cơ sở dữ liệu quy hoạch – QuyHoach.*

MINH HỌA XÂY DỰNG CSDL GIS

Chuyên đề	Tên nhóm dữ liệu (Feature Dataset)	TT	Tên lớp dữ liệu (Feature Class)	Lớp dữ liệu (Alias)	Kiểu DL
2. Quy hoạch sử dụng đất	QuyHoachSuDungDat	4	ChucNangCongTrinh_P	Chức năng công trình	Điểm
		5	ChucNangSuDungDat_A	Chức năng sử dụng đất	Vùng
		6	PhanOQuyHoach_A	Phân ô quy hoạch	Vùng
		7	PhanKhuQuyHoach_A	Phân khu quy hoạch	Vùng
		8	PhanVungSDDkhac_A	Phân vùng sử dụng đất khác	Vùng





MINH HỌA XÂY DỰNG CSDL GIS

91QCT1000005 - ArcMap

File Edit View Bookmarks Insert Selection Geoprocessing Customize Windows Help

Standard

Table Of Contents

- QuyHoachThongTinLienLac
- QuyHoachCapDien
- QuyHoachThoatNucThaiVSM
- QuyHoachCapNuc
- QuyHoachChuanBiKyThuat
- QuyHoachKhongGianKenTrucCanhQu
- QuyHoachCGDD_CGXDhanhLangHTKT
- QuyHoachGiaoThong
- ThietkeDoThi
- QuyHoachCongTrinhNgam
- GiaiPhapBaoVeMoiTruong
- QuyHoachSuDungDat
 - ☒ Chức năng sử dụng đất
 - Phân loại
 - ☒ Đường giao thông
 - ☒ Đất Cơ quan hành chính
 - ☒ Đất Cơ quan Đảng
 - ☒ Đất Cơ quan đoàn thể
 - ☒ Đất Hội đồng nhân dân
 - ☒ Đất Thành ủy
 - ☒ Đất Trung tâm hội nghị
 - ☒ Đất bãi xe
 - ☒ Đất cây xanh cảnh quan
 - ☒ Đất Ủy ban nhân dân thành phố
 - ☐ Chức năng sử dụng đất

Identify

Identify from: <Visible layers>

Chức năng sử dụng đất

911300022123

Location: 442,651,427 1,131,272.339 Meters

Field	Value
OBJECTID	3
Shape	Polygon
Mã thông tin quy hoạch	911300022123
Mã hồ sơ quy hoạch	91QCT1000005
Mã đối tượng	91QCT1000005-Chức năng sử dụng đất_A-3
Chức năng sử dụng đất mức 3	Đất cơ quan, trụ sở
Ký hiệu lô đất	C
Diện tích (m ²)	33324.3
Dân số	<null>
Mật độ xây dựng (%)	30.30
Tầng cao xây dựng	5
Hệ số sử dụng đất (lần)	1.46
Trạng thái quy hoạch	Quy hoạch
Phân loại	Đất Ủy ban nhân dân thành phố
Ghi chú	<null>

Identified 1 feature

Catalog

Location: Home - 91QCT1000005\HoSoGIS

- Home - 91QCT1000005\HoSoGIS
 - 91QCT1000005_HienTrang.gdb
 - 91QCT1000005_MocGioi.gdb
 - 91QCT1000005_QuyHoach.gdb
 - GiaiPhapBaoVeMoiTruong
 - QuyHoachCapDien
 - QuyHoachCapNuc
 - QuyHoachCGDD_CGXDhanhLangHTK
 - QuyHoachChuanBiKyThuat
 - QuyHoachCongTrinhNgam
 - QuyHoachGiaoThong
 - QuyHoachKhongGianKenTrucCanhQ
 - QuyHoachNangLuong
 - QuyHoachSuDungDat
 - ChucNangCongTrinh_P
 - ChucNangSuDungDat_A
 - PhanKhuQuyHoach_A
 - PhanOQuyHoach_A
 - PhanVungSDDkhac_A
 - QuyHoachThoatNucThaiVSM
 - QuyHoachThongTinLienLac
 - ThietkeDoThi
 - ViTriRanhGioi
 - KhuVucPhoiCanh_A_ATTACH
 - KhuVucPhoiCanh_A_ATTACH

Table

Chức năng sử dụng đất

OBJE	Shape	Mã thông tin quy	Mã hồ sơ quy hoạch	Mã đối tượng	Chức năng sử dụng đất mức 3	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tr
3	Polygon	911300022123	91QCT1000005	91QCT1000005-Chức	Đất cơ quan, trụ sở	C	33324.3	30.30	5	1.46	Quy
4	Polygon	911300022123	91QCT1000005	91QCT1000005-Chức	Đất cơ quan, trụ sở	D	18229.5	39.31	3	1.18	Quy
5	Polygon	911300022123	91QCT1000005	91QCT1000005-Chức	Đất cơ quan, trụ sở	A	50742	33.64	4	1.33	Quy
6	Polygon	911300022123	91QCT1000005	91QCT1000005-Chức	Đất cơ quan, trụ sở	B	9612.5	38.61	3	1.16	Quy

14 3 11 [1 out of 12 Selected]

Chức năng sử dụng đất: Mạng lưới giao thông đường bộ đang đường (tìm đường)



MINH HỌA XÂY DỰNG CSDL GIS

91QCT1000005 - ArcMap

File Edit View Bookmarks Insert Selection Geoprocessing Customize Windows Help

Standard

1:6,000

Table Of Contents

Layers

- D:\Minh\URURE\UPIS Jungdo\Trien khai Du an\Hop phan J
 - ViTriRanhGioi
 - QuyHoachThongTinLienLac
 - QuyHoachCapDien
 - QuyHoachThoatNucThaiVSM
 - QuyHoachCapNuc
 - QuyHoachChuanBiKyThuat
 - QuyHoachKhongGianKienTrucCanhQuan
 - QuyHoachCGDD_CGXDanhLangHTKT
 - QuyHoachGiaoThong
 - ☒ Điểm tọa độ tim đường, điểm chuyển hướng tim đ
 - ☐ Bán kính bó vĩa, bán kính tim đường
 - ☐ Bô vĩa và dải phân cách
 - ☐ Măt cắt ngang
 - ☐ Hướng đi
 - ☒ Mạng lưới giao thông đường bộ dạng đường (tim đường)
 - ☒ Mạng lưới giao thông đường bộ dạng vùng
 - ThietkeDoThi
 - QuyHoachCongTrinhNgam
 - GiaiPhapBaoVeMoiTruong
 - QuyHoachSuDungDat

Identify

Identify from: <<Top-most layer>>

Mạng lưới giao thông đường bộ dạng đường (tim đường)

911300022123

Location: 442,833.099 1,131,388.614 Meters

Field	Value
Shape_Length	321.395156
Mã thông tin quy hoạch	911300022123
Mã hồ sơ quy hoạch	91QCT1000005
Mã đối tượng	91QCT1000005-MangLuiGiaoTh
Tên đường	Đường Cách Mạng Tháng 8
Loại chất liệu trải mặt	Nhựa - bê tông
Chiều dài (m)	321
Độ dốc dọc đường	1.4
Lộ giới (m)	36
Ký hiệu mặt cắt	1-1
Lông đường (m)	21
Số phần đường xe chạy	2
Dải phân cách (m)	3
Vĩa hè (m)	12
Trạng thái quy hoạch	Quy hoạch
Phân loại	Tim đường
Ghi chú	<null>

Identified 1 feature

Catalog

Location: Home - 91QCT1000005\HoSoGIS

- 91QCT1000005_HienTrang.gdb
- 91QCT1000005_MocGioi.gdb
- 91QCT1000005_QuyHoach.gdb
- GiaiPhapBaoVeMoiTruong
- QuyHoachCapDien
- QuyHoachCapNuc
- QuyHoachCGDD_CGXDanhLangHTKT
- QuyHoachChuanBiKyThuat
- QuyHoachCongTrinhNgam
- QuyHoachGiaoThong
 - BanKinhBoViaBanKinhTimDuong_P
 - BoViaDaiPhanCach_L
 - CongTrinhGiaoThong_A
 - CongTrinhGiaoThong_L
 - CongTrinhGiaoThong_P
 - DiemToaDoTimDuongChuyenHuongTimDuong_F
 - HuongDL
 - MangLuiGiaoThongDuongBo_A
 - MangLuiGiaoThongDuongBo_L
 - MangLuiGiaoThongDuongKhong_L
 - MangLuiGiaoThongDuongSat_L
 - MangLuiGiaoThongDuongThuy_L
 - MangLuiTuyenBus_L
 - MatCatNgang_L
- QuyHoachKhongGianKienTrucCanhQuan

Table

Mạng lưới giao thông đường bộ dạng đường (tim đường)

Shape *	Shape_Length	Mã thông tin quy	Mã hồ sơ quy h	Mã đối tượng	Tên đường	Loại chất liệu trải mặt	Chiều dài (m)	Độ dốc dọc đường	Lộ giới (m)
Polyline	145.205443	911300022123	91QCT1000005	91QCT1000005-MangLuiGiaoThongDuongBo L-5	<Null>	Nhựa - bê tông	<Null>	<Null>	<Null>
Polyline	321.395156	911300022123	91QCT1000005	91QCT1000005-MangLuiGiaoThongDuongBo L-6	Đường Cách Mạng Tháng 8	Nhựa - bê tông	321	1.4	36
Polyline	62.224509	911300022123	91QCT1000005	91QCT1000005-MangLuiGiaoThongDuongBo L-7	<Null>	Nhựa - bê tông	<Null>	<Null>	<Null>
Polyline	283.25071	911300022123	91QCT1000005	91QCT1000005-MangLuiGiaoThongDuongBo L-8	Đường Nguyễn Trung Trực	Nhựa - bê tông	283	0	36

(1 out of 29 Selected)

Chức năng sử dụng đất: Mạng lưới giao thông đường bộ dạng đường (tim đường)



MINH HỌA HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN QH & PTĐT (UPIS)



- Trang chủ
- Quy hoạch đô thị
- Thông tin phát triển đô thị
- Hiện trạng phát triển
- Chỉ tiêu phân loại đô thị
- Bảng tiêu chuẩn phân loại đô thị
- Đô thị xanh
- Rủi ro thiên tai & BDKH
- Mô hình phân tích
- Tiêu chí đô thị thông minh
- Quản lý hạ tầng

- Tiếng Việt
- Thông báo
- TP Phú Quốc
- Thu nhỏ

Nhiệm vụ quy hoạch
(Bản dự thảo)

Nhiệm vụ quy hoạch
(Bản thẩm định, phê...)

Nhiệm vụ quy hoạch
(Bản được phê duyệt)

Đồ án quy hoạch
(Bản dự thảo)

Đồ án quy hoạch
(Bản thẩm định, phê...)

Đồ án quy hoạch
(Bản được phê duyệt)

Đồ án quy hoạch Bản được phê duyệt

Trạng thái công khai: ☐

Quyết định phê duyệt

Số: 3165/QĐ-UBND Ngày: 15/12/2022

Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Kiên Giang

KGIA.QCT00.05_Quyếtđinhphed... [Download](#)

Hồ sơ scan đóng dấu

Chưa có dữ liệu hiển thị...

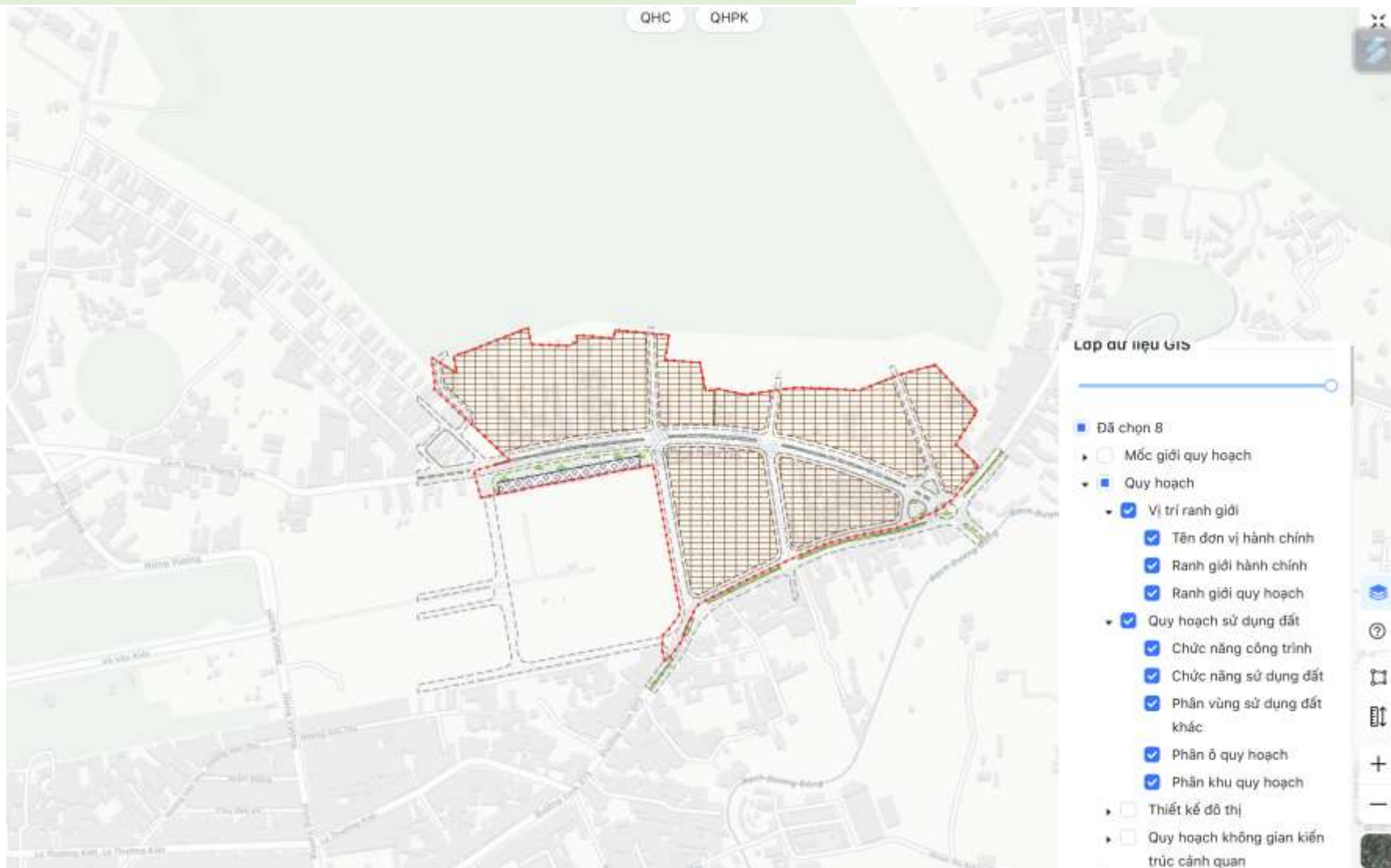
Tạo ngay

Tài liệu quy hoạch

Dữ liệu GIS

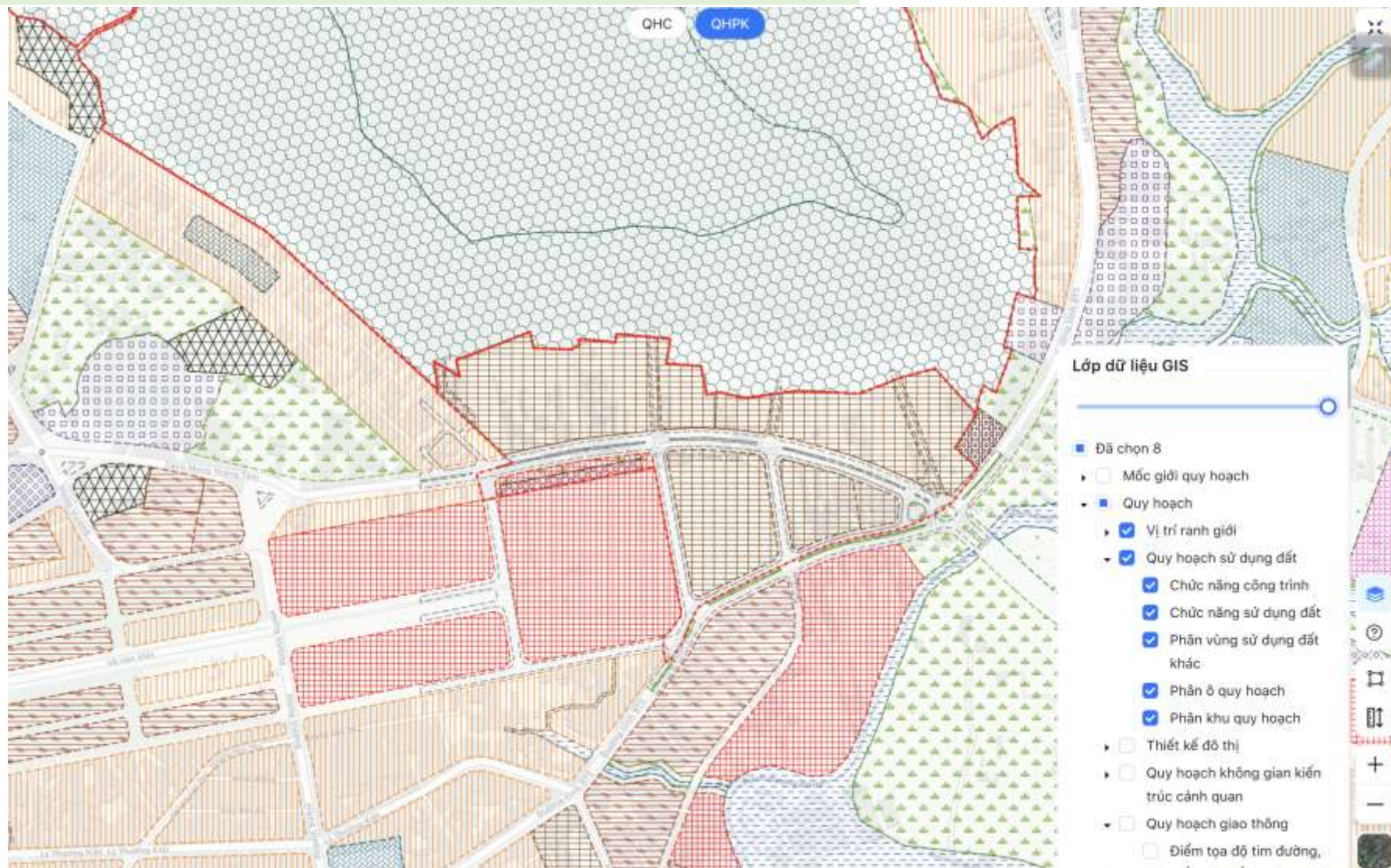


MINH HỌA HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN QH & PTĐT (UPIS)





MINH HỌA HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN QH & PT&NT (UPIS)





BỘ XÂY DỰNG HỌC VIỆN CHIẾN LƯỢC, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ XÂY DỰNG (ACST)



Quần đảo Hoàng Sa
(thuộc Hoàng Sa - Đà Nẵng)

Quần đảo Trường Sa
(thuộc Trường Sa - Khánh Hòa)

Thanks !